CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 29/2018/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2018*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 946
Ngày: 16/3/18
Chuyển: ...

NGHỊ ĐỊNH

Quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về:

a) Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 106 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm không thuộc phạm vi vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của các quốc gia mà do tổ chức, cá nhân Việt Nam phát hiện hoặc tìm thấy thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế về xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm mà Việt Nam là thành viên; trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên không có quy định về xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, bị chìm đắm thì áp dụng theo quy định tại Nghị định này.

3. Nghị định này không điều chỉnh việc quản lý, xử lý đối với các tài sản sau:

a) Tài sản là nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991 thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khóa 11 và Nghị quyết số 755/2005/QH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 11.

b) Tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ.

c) Tài sản là tàu bay bị bỏ tại Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 02/2012/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Tài sản thuộc đối tượng được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật gồm:

a) Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.

b) Vật chứng vụ án, tài sản khác bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, pháp luật về tố tụng hình sự.

2. Tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, tài sản không có người nhận thừa kế thuộc về Nhà nước theo quy định của Bộ luật dân sự; hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan, gồm:

a) Bất động sản vô chủ hoặc không xác định được chủ sở hữu được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây gọi là bất động sản vô chủ).

b) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu không đến nhận được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây gọi là tài sản bị đánh rơi, bỏ quên).

c) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được phát hiện hoặc tìm thấy thuộc đất liền, các hải đảo và vùng biển Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán mà tại thời điểm phát hiện hoặc tìm thấy không có hoặc không xác định được chủ sở hữu theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm).

d) Tài sản là di sản không có người thừa kế theo di chúc, theo pháp luật hoặc có người thừa kế nhưng không được quyền hưởng di sản, từ chối nhận di sản hoặc hết thời hiệu yêu cầu chia di sản kể từ thời điểm mở thừa kế mà không có người chiếm hữu theo quy định của pháp luật về dân sự (sau đây gọi là di sản không người thừa kế).

đ) Tài sản là hàng hoá tồn đọng được lưu giữ tại khu vực cảng, kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan (sau đây gọi là hàng hóa tồn đọng).

3. Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện bị giải thể nhưng không có quỹ khác có cùng mục đích hoạt động nhận tài sản chuyển giao hoặc bị giải thể do hoạt động vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thuộc về Nhà nước theo quy định của Bộ luật dân sự (sau đây gọi là tài sản của quỹ bị giải thể).

4. Tài sản do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hiến, biếu, tặng cho, đóng góp, viện trợ, tài trợ nhưng chưa hạch toán ngân sách nhà nước và hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác cho Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước).

5. Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

6. Tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án.

Điều 4. Nguyên tắc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản phải được lập thành văn bản; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Việc quản lý nhà nước đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện thống nhất, có phân công, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan.

3. Việc xác định giá trị và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện theo cơ chế thị trường.

4. Việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây gọi là đơn vị chủ trì quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân) được quy định như sau:

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu:

a) Cơ quan trình cấp có thẩm quyền ra quyết định tịch thu là đơn vị chủ trì quản lý tài sản trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện) ra quyết định tịch thu.

b) Cơ quan của người ra quyết định tịch thu là đơn vị chủ trì quản lý tài sản trong các trường hợp còn lại.

2. Đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao, Phòng Tài chính Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi là Phòng Tài chính Kế hoạch) là đơn vị chủ trì quản lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao.

3. Đối với vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định tịch thu, cơ quan đã ra quyết định tịch thu là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

4. Đối với bất động sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế, Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý đối với bất động sản, di tích lịch sử - văn hoá, Phòng Tài chính Kế hoạch là đơn vị chủ trì quản lý đối với động sản; trường hợp một vụ việc bao gồm nhiều loại tài sản khác nhau (bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản) thì Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

5. Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

6. Đối với tài sản của quỹ bị giải thể:

a) Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được ủy quyền quyết định giải thể.

b) Cơ quan trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quyết định giải thể là đơn vị chủ trì quản lý tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giải thể.

7. Đối với hàng hoá tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan, Cục Hải quan là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

8. Đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam mà khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản thì cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

9. Đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam mà khi chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trách nhiệm chủ trì quản lý tài sản như sau:

a) Đối với tài sản của các dự án do các chuyên gia, nhà thầu, tư vấn nước ngoài thực hiện dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ không hoàn lại chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam, Ban quản lý dự án là đơn vị chủ trì quản lý tài sản; trường hợp Ban quản lý dự án đã bị giải thể thì cơ quan chủ quản dự án là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

b) Đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị được Bộ Quốc phòng phân cấp là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

c) Đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực an ninh, Bộ Công an hoặc đơn vị được Bộ Công an phân cấp là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

d) Đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản này chuyển giao cho Chính phủ, Bộ Tài chính hoặc đơn vị được Bộ Tài chính phân cấp là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

đ) Đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản này chuyển giao cho chính quyền địa phương, Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

10. Đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời gian hoạt động, Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

11. Đối với tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án, cơ quan ký hợp đồng đối tác công tư là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

Điều 6. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc bảo quản tài sản từ khi tiếp nhận đến khi hoàn thành việc xử lý theo phương án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Lập hồ sơ, trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản; trừ các trường hợp tài sản thuộc quy định tại khoản 1 Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Lập hoặc báo cáo cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này lập phương án xử lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thanh toán các chi phí có liên quan, bao gồm cả phần giá trị tài sản thuộc về tổ chức, cá nhân (nếu có) theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác được quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Chương II
THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN

Điều 7. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam nhưng không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản để sử dụng; trừ các tài sản quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam là bất động sản, xe ô tô, các tài sản khác (không phải là bất động sản, xe ô tô) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý theo đề nghị của bộ, cơ quan trung ương; trừ các tài sản quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực an ninh do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam.

4. Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giải thể.

5. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

b) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc trung ương quản lý sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hoá; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

8. Cục trưởng Cục Hải quan quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

Điều 8. Trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với bất động sản vô chủ

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về dân sự mà không xác định được ai là chủ sở hữu của bất động sản, cơ quan đã tiếp nhận thông tin về bất động sản vô chủ (Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an sở tại) có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch.

Hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch bao gồm:

a) Báo cáo quá trình xác định chủ sở hữu đối với bất động sản từ khi phát hiện: 01 bản chính.

b) Bảng kê địa điểm, diện tích, hiện trạng bất động sản: 01 bản chính.

c) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình xác định chủ sở hữu đối với bất động sản (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để gửi Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi, Sở Tài chính có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 9. Trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật về dân sự, cơ quan đã tiếp nhận thông tin về tài sản bị đánh rơi, bỏ quên (Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an sở tại) có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thuộc về Nhà nước.

Hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch bao gồm:

a) Báo cáo quá trình xác định chủ sở hữu tài sản từ khi phát hiện; căn cứ xác định tài sản thuộc về Nhà nước: 01 bản chính.

b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản: 01 bản chính.

c) Biên bản giao nộp tài sản của người nhặt được hoặc người phát hiện tài sản bị đánh rơi, bỏ quên: 01 bản sao.

d) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xử lý tài sản (nếu có): 01 bản sao.

2. Đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thuộc thẩm quyền quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định này, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

3. Đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thuộc thẩm quyền quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản 6 Điều 7 Nghị định này, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để gửi Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi, Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 10. Trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về dân sự và pháp luật có liên quan mà không xác định được ai là chủ sở hữu của tài sản bị chôn, giấu, bị

vùi lấp, chìm đắm, Sở Tài chính có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản bao gồm:

a) Báo cáo quá trình xác định chủ sở hữu đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm từ khi phát hiện: 01 bản chính.

b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, hiện trạng của tài sản: 01 bản chính.

c) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình xác định chủ sở hữu đối với tài sản (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 11. Trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với di sản không có người thừa kế

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản từ chối quyền hưởng di sản của người thừa kế hoặc bản án, quyết định của Tòa án xác định người đó không được quyền hưởng di sản thừa kế theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc kể từ ngày hết thời hiệu yêu cầu chia di sản mà không có người chiếm hữu theo quy định của pháp luật dân sự, tổ chức hành nghề công chứng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mở thừa kế có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch.

Hồ sơ gửi Phòng Tài chính Kế hoạch bao gồm:

a) Báo cáo quá trình mở thừa kế đối với di sản: 01 bản chính.

b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, hiện trạng của di sản: 01 bản chính.

c) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình mở thừa kế, văn bản từ chối quyền hưởng di sản, bản án hoặc quyết định của Tòa án xác định người không được quyền hưởng di sản thừa kế (nếu có): 01 bản sao.

2. Đối với di sản không có người thừa kế thuộc thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định này, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Tài

chính Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

3. Đối với di sản không có người thừa kế thuộc thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp quy định tại điểm a khoản 6 Điều 7 Nghị định này, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để gửi Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi, Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 12. Trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với hàng hóa tồn đọng

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về hải quan mà không có người đến nhận, cơ quan Hải quan nơi có hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ trình Cục trưởng Cục Hải quan quản lý trực tiếp quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, hiện trạng của tài sản: 01 bản chính.

c) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình thông báo về tài sản và các hồ sơ, tài liệu khác (nếu có): 01 bản sao.

d) Văn bản thông báo từ bỏ hàng hóa hoặc tài liệu chứng minh (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Cục trưởng Cục Hải quan ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 13. Trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản của quỹ bị giải thể

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định giải thể Quỹ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 4 và điểm d khoản 6 Điều 7 Nghị định này quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản của quỹ bị giải thể. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

b) Bảng kê chủng loại, số lượng (khối lượng), giá trị, tình trạng tài sản: 01 bản chính.

c) Quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 01 bản sao.

d) Tài liệu khác chứng minh quyền tài sản (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 7 và điểm d khoản 6 Điều 7 Nghị định này ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 14. Trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước

1. Đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này, khi được các tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển giao quyền sở hữu về tài sản, đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 9 Điều 5 Nghị định này căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành và pháp luật chuyên ngành liên quan đến tài sản xác định tính phù hợp của việc tiếp nhận tài sản chuyển giao và phải chịu trách nhiệm về việc xác định đó.

2. Đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam mà khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng, khi được các tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển giao quyền sở hữu về tài sản, đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 8 Điều 5 Nghị định này căn cứ các quy định pháp luật hiện hành và pháp luật chuyên ngành liên quan đến tài sản xác định tính phù hợp của việc tiếp nhận tài sản chuyển giao và phải chịu trách nhiệm về việc xác định đó.

3. Trường hợp xác định việc tiếp nhận tài sản chuyển giao là phù hợp với quy định của pháp luật thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận tài sản, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 và 6 Điều 7 Nghị định này quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản bao gồm cả phương án xử lý tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định này: 01 bản chính.

b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản: 01 bản chính.

c) Hợp đồng tặng cho tài sản trong trường hợp chuyển giao dưới hình thức tặng cho và theo quy định của pháp luật phải lập thành hợp đồng: 01 bản sao.

d) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 và 6 Điều 7 Nghị định này ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

5. Trường hợp xác định việc chuyển giao tài sản không phù hợp với quy định của pháp luật thì cơ quan, đơn vị được đề nghị tiếp nhận phải từ chối tiếp nhận; trường hợp không từ chối được thì xử lý theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

Điều 15. Trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động

1. Chậm nhất là 30 ngày trước ngày kết thúc thời hạn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Sở Tài chính nơi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng trụ sở về các trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn tài sản cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết khi kết thúc thời hạn hoạt động.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan đăng ký đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng kiểm kê, phân loại tài sản. Thành phần Hội đồng do lãnh đạo Sở Tài chính làm chủ tịch, có đại diện của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan.

Hội đồng kiểm kê, phân loại tài sản có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận tài sản từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao.

b) Thực hiện kiểm kê, phân loại tài sản và lập bảng kê chi tiết chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản.

c) Bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý.

3. Căn cứ trên kết quả kiểm kê, phân loại của Hội đồng, Sở Tài chính có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn theo cam kết.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản: 01 bản chính.

c) Văn bản thể hiện cam kết chuyển giao không bồi hoàn tài sản cho Nhà nước Việt Nam khi kết thúc hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 01 bản sao.

d) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản (nếu có): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này và sau khi kết thúc thời hạn hoạt động của theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người có thẩm quyền được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 16. Trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án theo hình thức đối tác công tư

1. Chậm nhất 01 năm trước ngày chuyển giao hoặc trong thời hạn thỏa thuận tại Hợp đồng dự án, doanh nghiệp dự án phải đăng báo công khai việc chuyển giao tài sản, thủ tục, thời hạn thanh lý hợp đồng, thanh toán các khoản nợ.

2. Doanh nghiệp dự án phải đảm bảo tài sản chuyển giao không được sử dụng tài sản để bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc nghĩa vụ khác của doanh nghiệp dự án trước thời điểm chuyển giao, trừ trường hợp Hợp đồng dự án có quy định khác.

3. Cơ quan nhà nước ký hợp đồng dự án chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về tài sản, cơ quan tài chính và các cơ quan khác có liên quan (nếu cần) thực hiện:

a) Tổ chức giám định chất lượng, giá trị, tình trạng tài sản theo thỏa thuận tại Hợp đồng dự án.

b) Lập danh mục tài sản chuyển giao.

c) Lập biên bản xác định các hư hại của tài sản (nếu có) để yêu cầu doanh nghiệp dự án thực hiện việc sửa chữa, bảo trì tài sản.

d) Thực hiện tiếp nhận và ký biên bản nhận chuyển giao tài sản;

Việc chuyển giao, tiếp nhận tài sản phải thực hiện theo đúng thời hạn tại Hợp đồng dự án.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ký biên bản nhận chuyển giao tài sản, cơ quan nhà nước ký hợp đồng dự án có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 7 Nghị định này để xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

b) Bảng kê chủng loại, số lượng (khối lượng), giá trị, tình trạng tài sản: 01 bản chính.

c) Biên bản nhận chuyển giao tài sản: 01 bản chính.

d) Tài liệu khác chứng minh quyền tài sản (nếu có): 01 bản sao.

5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 7 Nghị định này ban hành quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

6. Các khoản chi phí tổ chức giám định chất lượng, giá trị, tình trạng tài sản và các chi phí khác theo quy định liên quan (nếu có) để thực hiện chuyển giao, tiếp nhận tài sản được bố trí trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan ký hợp đồng dự án để thực hiện. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 30 Nghị định này.

Chương III
XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP SỞ HỮU TOÀN DÂN VÀ THĂM DÒ, KHAI QUẬT, TRỤC VỚT TÀI SẢN BỊ CHÔN, GIẤU, BỊ VÙI LẤP, CHÌM ĐẮM

Mục 1
XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 17. Bảo quản tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Tài sản có quyết định tịch thu hoặc quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân của cơ quan, người có thẩm quyền phải được bảo quản chặt chẽ, bảo đảm phục vụ việc xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các tài sản chuyển giao cho các cơ quan quản lý chuyên ngành để bảo quản như sau:

a) Tài sản là bảo vật quốc gia, cổ vật và vật khác có giá trị lịch sử, văn hoá.

b) Tài sản là vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện đặc chủng và tài sản khác liên quan đến quốc phòng, an ninh.

c) Tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ, giấy tờ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý.

d) Tài sản là chất phóng xạ.

đ) Tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng quý hiếm thuộc nhóm IB.

e) Tài sản là lâm sản quý hiếm không được sử dụng vào mục đích thương mại, trừ tài sản quy định tại điểm đ khoản này.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan công bố danh sách cụ thể các cơ quan chuyên ngành để thực hiện việc tiếp nhận, bảo quản đối với các tài sản quy định tại khoản này.

3. Trách nhiệm bảo quản tài sản quy định như sau:

a) Cơ quan của người có thẩm quyền ban hành quyết định tịch thu tài sản theo quy định của pháp luật hoặc cơ quan trình người có thẩm quyền ban hành quyết định tịch thu theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm bảo quản tài sản tịch thu.

b) Cơ quan thi hành án có trách nhiệm bảo quản vật chứng vụ án, tài sản khác bị tịch thu theo quy định pháp luật về hình sự, pháp luật về tố tụng hình sự và pháp luật về thi hành án dân sự.

c) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại Điều 5 Nghị định này chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, tổ chức thực hiện việc bảo quản tài sản quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 106 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Việc bảo quản tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 108 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 18. Trình tự, thủ tục lập và trình phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định như sau:

a) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 5 Nghị định này lập phương án xử lý đối với tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật, trừ tài sản bị tịch thu quy định tại điểm c khoản này.

b) Cơ quan hải quan lập phương án xử lý đối với tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Cục trưởng Cục Hải quan, trừ tài sản là hàng hóa tồn đọng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 19 Nghị định này.

c) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công lập phương án xử lý đối với các tài sản sau:

- Tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan do Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý quy định tại điểm b khoản 3 Điều 19 Nghị định này;

- Các tài sản còn lại được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Nội dung chủ yếu của phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân gồm:

a) Thông tin về tài sản: Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản hoặc quyết định tịch thu tài sản (số, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành), chủng loại, số lượng, chất lượng tài sản, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, nước sản xuất...

b) Giá trị tài sản (nếu có).

Riêng đối với tài sản xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng thì đơn vị lập phương án xử lý tài sản phải thành lập Hội đồng định giá để xác định giá trị tài sản ghi vào phương án.

Chủ tịch Hội đồng là thủ trưởng của đơn vị lập phương án và đại diện: Cơ quan tài chính (nơi có tài sản), cơ quan tiếp nhận (nếu có), cơ quan chuyên môn có liên quan.

c) Hình thức xử lý phù hợp với từng loại tài sản:

- Giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng. Việc giao hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng phải căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật và chỉ áp dụng đối với: Nhà, đất; xe ô tô; xe mô tô, xe gắn máy, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có tỷ lệ chất lượng còn lại từ 50% trở lên;

- Giao cho doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp;

- Bán (đấu giá, bán chỉ định, niêm yết giá) theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan. Riêng đối với tài sản là hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng (thực phẩm tươi sống, dễ bị ôi thiu, khó bảo quản, hàng hóa dễ cháy, nổ, hàng thực phẩm đã qua chế biến nhưng hạn sử dụng còn dưới 30 ngày, động vật rừng hoang dã đã chết nhưng không thuộc đối tượng phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật...); tài sản là hàng hóa cồng kềnh, có trọng lượng lớn được chuyên chở trên các phương tiện giao thông đường thủy, đường biển mà việc bốc dỡ tốn kém, chi phí lớn; tài sản là vật tư, hàng hóa cấm nhập khẩu buộc phải tái xuất mà chỉ có một tổ chức kinh tế có chức năng tái xuất đối với vật tư, hàng hoá đó, thì được bán chỉ định hoặc niêm yết giá;

- Tiêu hủy đối với tài sản là hàng hoá, vật phẩm dễ bị hư hỏng nhưng không thể xử lý theo hình thức bán; tài sản không còn khả năng sử dụng hoặc tài sản thuộc danh mục cấm sản xuất, kinh doanh và lưu thông theo quy định của pháp luật gồm: Văn hoá phẩm độc hại, ma túy, hàng giả, vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi, cây trồng, động vật hoang dã đã chết và các tài sản khác buộc phải tiêu hủy. Trường hợp đặc biệt cần xử lý theo hình thức khác để đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản báo cáo Bộ Tài chính hoặc báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có) để báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định xử lý;

- Nộp vào ngân sách nhà nước đối với tiền Việt Nam, ngoại tệ; nộp vào Kho bạc nhà nước đối với vàng, bạc, đá quý, kim loại quý. Đối với giấy tờ có giá có khả năng chuyển đổi thành tiền thì thực hiện thủ tục chuyển đổi thành tiền mặt nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định, trường hợp không đủ điều kiện chuyển đổi thành tiền thì thực hiện thủ tục gửi Kho bạc nhà nước để lưu giữ, bảo quản;

- Xử lý khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

d) Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp xử lý. Trong đó, cơ quan chủ trì xử lý tài sản là đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại Điều 5 Nghị định này.

đ) Thời hạn xử lý.

e) Chi phí xử lý.

g) Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản.

h) Các nội dung khác (nếu có).

3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có quyết định tịch thu tài sản hoặc có quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản và trình cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 19 Nghị định này phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Điều này.

Điều 19. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với:

- Tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương quyết định tịch thu;

- Điều chuyển tài sản từ trung ương về địa phương và ngược lại hoặc giữa các địa phương với nhau.

b) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với:

- Các tài sản còn lại do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương ra quyết định tịch thu không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này;

- Tài sản chuyển giao cho cơ quan chuyên ngành quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hoá, cổ vật, bảo vật quốc gia theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác.

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao, điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc điều chuyển giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế, hàng hóa tồn đọng như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là di tích lịch sử - văn hoá, cổ vật, bảo vật quốc gia theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác.

b) Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao, điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc điều chuyển giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với các trường hợp không thuộc phạm vi các điểm a, b và d khoản này.

d) Cục trưởng Cục Hải quan phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan, trừ tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

4. Tài sản của quỹ bị giải thể, cấp có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 4 và điểm d khoản 6 Điều 7 Nghị định này có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

5. Tài sản do các tổ chức cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 và điểm b khoản 6 Điều 7 Nghị định này có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

6. Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại điểm c khoản 6 Điều 7 Nghị định này có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

7. Tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại điểm b khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 7 Nghị định này có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

8. Trường hợp tài sản xử lý theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định ghi tăng vốn theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan là cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Điều 20. Tổ chức xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Đối với việc xử lý theo hình thức chuyển giao tài sản cho các cơ quan quản lý chuyên ngành quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phương án xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan được giao chủ trì xử lý tài sản thực hiện chuyển giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành.

b) Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải lập thành biên bản theo Mẫu số 02-BBBQ tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

c) Hồ sơ chuyển giao tài sản gồm:

- Biên bản bàn giao tài sản quy định tại điểm b khoản này: 01 bản chính;

- Quyết định tịch thu hoặc quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao;

- Phương án xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt: 01 bản sao;

- Giấy chứng nhận kết quả giám định tài sản (đối với trường hợp phải giám định tài sản): 01 bản sao;

- Bảng kê chi tiết về tài sản: 01 bản chính;

- Tài liệu khác về tài sản (nếu có).

d) Cơ quan quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thực hiện bảo quản, quản lý, xử lý tài sản theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với việc xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phương án xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan được giao chủ trì xử lý tài sản chủ trì, phối hợp với cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cùng cấp thực hiện chuyển giao tài sản và các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận.

b) Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 03-BBCG tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận chuyển giao tài sản thực hiện hạch toán tăng tài sản và thực hiện quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Trường hợp chuyển giao tài sản cho doanh nghiệp thì phải thực hiện ghi tăng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Đối với việc xử lý theo hình thức bán (đấu giá, chỉ định hoặc niêm yết giá), tiêu hủy tài sản thì cơ quan được giao chủ trì xử lý thực hiện việc bán, tiêu hủy theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan.

4. Đối với việc bán đấu giá tài sản là di vật, cổ vật tại nước ngoài được thực hiện như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bán đấu giá di vật, cổ vật tại nước ngoài.

b) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép xuất khẩu di vật, cổ vật bán đấu giá tại nước ngoài theo quy định của pháp luật.

c) Thủ tục xuất khẩu di vật, cổ vật thực hiện theo quy định của pháp luật.

d) Cơ quan được giao chủ trì xử lý tài sản lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản Việt Nam hoặc nước ngoài để ủy thác bán đấu giá tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, quyết định đảm bảo nguyên tắc hiệu quả, tiết kiệm; ưu tiên lựa chọn tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực bán đấu giá các tài sản tương tự;

- Có phương án tổ chức bán đấu giá có hiệu quả;

- Có tỷ lệ (%) chi phí bán đấu giá thấp;

- Có phương án xử lý khả thi trong trường hợp di vật, cổ vật đã xuất khẩu ra nước ngoài nhưng không bán được (cam kết mua lại, chịu chi phí vận chuyển số cổ vật, di vật không bán được về Việt Nam v.v...).

Trường hợp có nhiều tổ chức có chức năng bán đấu giá đăng ký tham gia thì việc lựa chọn tổ chức có chức năng bán đấu giá được thực hiện thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật.

đ) Hợp đồng ủy thác bán đấu giá:

Hợp đồng ủy thác bán đấu giá tài sản phải được lập theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế, trường hợp pháp luật Việt Nam không quy định hoặc quy định khác với pháp luật quốc tế thì thực hiện theo pháp luật quốc tế; có cam kết cụ thể, chặt chẽ để ràng buộc trách nhiệm của các bên có liên quan; có quy định về giải quyết tranh chấp. Các công việc được ủy thác bao gồm: Đóng gói, vận chuyển từ Việt Nam ra nước ngoài, vận chuyển từ nơi bảo quản đến nơi bán đấu giá, mua bảo hiểm cho hiện vật mang đi bán đấu giá, bảo quản tài sản tại nước ngoài, quảng bá, tổ chức bán đấu giá, xử lý tài sản trong trường hợp không bán được.

Cơ quan được giao nhiệm vụ ký Hợp đồng ủy thác bán đấu giá chịu trách nhiệm về nội dung của Hợp đồng; trường hợp cần thiết có thể lấy ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp trước khi ký Hợp đồng.

5. Đối với việc xử lý tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ, giấy tờ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phương án xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện chuyển tài sản là tiền Việt Nam, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý vào Kho bạc Nhà nước. Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Đối với tài sản là ngoại tệ thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản nộp vào tài khoản ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước tại ngân hàng; Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm mua toàn bộ số ngoại tệ trên để chuyển nộp ngân sách nhà nước bằng đồng Việt Nam theo quy định.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phương án xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện đổi giấy tờ có giá có khả năng chuyển đổi thành tiền thành tiền mặt và nộp vào Kho bạc Nhà nước. Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Trường hợp giấy tờ có giá không đủ điều kiện chuyển đổi thành tiền thì thực hiện thủ tục gửi Kho bạc Nhà nước để lưu giữ, bảo quản.

6. Đối với việc xử lý tài sản theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp thì việc thực hiện ghi tăng vốn được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

7. Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định tại Điều này.

Mục 2
TIẾP NHẬN, XỬ LÝ THÔNG TIN VÀ TỔ CHỨC THĂM DÒ, KHAI QUẬT, TRỤC VỚT TÀI SẢN BỊ CHÔN, GIẤU, BỊ VÙI LẤP, CHÌM ĐẮM

Điều 21. Tiếp nhận, xử lý thông tin về tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm có trách nhiệm bảo vệ, giữ nguyên hiện trạng và thông báo kịp thời, đầy đủ các thông tin có liên quan với các cơ quan, người có thẩm quyền sau đây:

a) Cơ quan quân sự nơi gần nhất đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc khu vực quân sự.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan công an nơi gần nhất đối với tài sản bị chôn giấu không thuộc khu vực quân sự.

c) Cảng vụ hàng hải hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi gần nhất đối với tài sản bị chìm đắm không thuộc khu vực quân sự.

Tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm chịu trách nhiệm về thông tin đã thông báo.

2. Cơ quan nhà nước tiếp nhận thông tin có trách nhiệm:

a) Lập biên bản có đầy đủ chữ ký của đại diện tổ chức, cá nhân đã thông báo thông tin và đại diện cơ quan tiếp nhận thông tin; tổ chức, cá nhân thông báo thông tin giữ một bản để làm cơ sở giải quyết quyền lợi về sau.

b) Kiểm tra tính chính xác của thông tin đã tiếp nhận.

c) Báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan nhà nước tiếp nhận thông tin đóng trụ sở.

d) Tổ chức khoanh vùng, bảo vệ nguyên trạng khu vực có tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; trường hợp tài sản bị chìm đắm ở vùng biển xa bờ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với các cơ quan thuộc lực lượng quốc phòng, an ninh, cơ quan quản lý hàng hải để thực hiện.

Riêng đối với tài sản chìm đắm ở nội thủy, lãnh hải thì trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo có tài sản chìm đắm, cơ quan nhà nước tiếp nhận thông tin có trách nhiệm báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thông báo 03 lần liên tiếp trên phương tiện thông tin đại chúng trung ương hoặc địa phương để tìm chủ tài sản.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan tổ chức khoanh vùng, bảo vệ nguyên trạng khu vực có tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

b) Báo cáo cơ quan quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 22 Nghị định này quyết định việc lập phương án thăm dò, phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

c) Trường hợp tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm không thuộc địa bàn quản lý thì thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

Điều 22. Thẩm quyền giao và phê duyệt phương án thăm dò, phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

Việc giao cho tổ chức, cá nhân lập phương án thăm dò, phương án khai quật, trục vớt và phê duyệt phương án thăm dò, phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm do các cơ quan nhà nước sau đây quyết định:

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật.

2. Bộ Quốc phòng phê duyệt đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm trong khu vực quân sự.

3. Bộ Giao thông vận tải phê duyệt đối với tài sản chìm đắm làm cản trở hoạt động hàng hải, gây nguy hiểm cho tài nguyên biển; đe dọa tính mạng và sức khỏe con người hoặc gây ô nhiễm môi trường. Riêng đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải, Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm xây dựng phương án trục vớt trình Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt; trường hợp tài sản chìm đắm gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải là di sản văn hóa dưới nước hoặc liên quan đến quốc phòng, an ninh thì trước khi Cục Hảng hải Việt Nam phê duyệt, phương án trục vớt phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Bộ Quốc phòng.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm phê duyệt đối với các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 23. Nội dung phương án thăm dò, phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Phương án thăm dò tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Địa điểm tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

b) Thời gian dự kiến bắt đầu và kết thúc.

c) Phương tiện và biện pháp thăm dò.

d) Biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình thăm dò.

đ) Bàn giao kết quả thăm dò cho cơ quan, người có thẩm quyền.

e) Biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường; phòng, chống cháy, nổ.

g) Dự toán chi phí thăm dò.

h) Điều kiện để lựa chọn tổ chức, cá nhân tổ chức khai quật, trục vớt (trong trường hợp cần thiết).

2. Phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Căn cứ tổ chức việc khai quật, trục vớt.

b) Kết quả thực hiện phương án thăm dò tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm (nếu có).

c) Địa điểm tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

d) Thời gian dự kiến bắt đầu và kết thúc.

đ) Phương tiện và biện pháp khai quật, trục vớt.

e) Biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình khai quật, trục vớt.

g) Biện pháp bảo quản tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy sau khi khai quật, trục vớt.

h) Bàn giao tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy cho cơ quan, người có thẩm quyền.

i) Biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường; phòng, chống cháy, nổ.

k) Biện pháp bảo hiểm tổ chức, cá nhân tham gia khai quật, trục vớt.

l) Dự kiến kết quả sau khi khai quật, trục vớt.

m) Dự toán chi phí khai quật, trục vớt.

n) Điều kiện để lựa chọn tổ chức, cá nhân tổ chức khai quật, trục vớt (trong trường hợp cần thiết).

3. Tùy trường hợp cụ thể, việc lập và quyết định phương án thăm dò; lập và quyết định phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thực hiện độc lập hoặc thực hiện gắn liền với nhau.

Điều 24. Tổ chức thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài tổ chức thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm phải bảo đảm đủ các điều kiện sau đây:

a) Có chức năng thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản theo quy định của pháp luật.

b) Có kinh nghiệm trong hoạt động thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản.

c) Có đội ngũ nhân viên, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu của hoạt động thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản phù hợp với quy mô của phương án thăm dò, khai quật, trục vớt đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trường hợp thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản trong khu vực quân sự thì tổ chức, cá nhân nước ngoài được hợp tác tham gia nhưng phải có sự chủ trì của cơ quan, tổ chức của Việt Nam đối với từng dự án thăm dò, khai quật, trục vớt.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 22 Nghị định này quyết định việc giao cho tổ chức, cá nhân có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thông qua các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; ưu tiên các tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện việc trục vớt tài sản chìm đắm tại nội thủy, lãnh hải Việt Nam theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Hàng hải năm 2015. Trường hợp phương án trục vớt đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải được Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt thì Cảng vụ hàng hải tổ chức trục vớt tài sản theo phương án được phê duyệt.

4. Việc thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được thực hiện theo đúng phương án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp trong quá trình thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm cần thiết phải điều chỉnh phương án đã được phê duyệt thì cơ quan, người có thẩm quyền đã phê duyệt phương án đó quyết định điều chỉnh phương án.

Điều 25. Tiếp nhận, quản lý và bảo quản tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy

1. Tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm hoặc tổ chức, cá nhân tổ chức khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm có trách nhiệm quản lý tài sản được tìm thấy và bàn giao cho cơ quan nhà nước quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này để bảo quản trong thời gian chờ xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Trường hợp có đầy đủ cơ sở để xác định được loại tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thì tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện việc giao tài sản cho các cơ quan, đơn vị sau đây tiếp nhận, bảo quản:

a) Bảo tàng cấp tỉnh tiếp nhận, bảo quản đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật.

b) Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh tiếp nhận, bảo quản đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản trong khu vực quân sự.

c) Cảng vụ hàng hải nơi gần nhất tiếp nhận, bảo quản đối với tài sản bị chìm đắm làm cản trở hoặc gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải, tài nguyên biển; đe dọa tính mạng và sức khỏe con người hoặc gây ô nhiễm môi trường được tìm thấy.

d) Sở Tài chính tiếp nhận, bảo quản đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

3. Trường hợp không có đủ cơ sở để xác định được loại tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thì Sở Tài chính trực tiếp tiếp nhận, bảo quản. Nếu tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy nhỏ lẻ, có giá trị thấp (ước tính dưới 01 tỷ đồng) thì Sở Tài chính có thể ủy quyền việc tiếp nhận, bảo quản tài sản cho cơ quan tài chính cấp huyện.

4. Các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thực hiện bảo quản theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 108 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 26. Xác định chủ sở hữu của tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy

1. Sở Tài chính có trách nhiệm lập danh mục tài sản, số lượng theo từng loại tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan thực hiện giám định tài sản; xác định chủ sở hữu của tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc xác định chủ sở hữu của tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 229 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp đặc biệt theo yêu cầu về bảo đảm an ninh quốc gia và bí mật quốc gia thì việc thông báo được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Trường hợp tài sản không có hoặc không xác định được chủ sở hữu thì tài sản đó được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Dân sự và quy định tại Nghị định này.

Điều 27. Phương án xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy

Sở Tài chính lập phương án xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 22 Nghị định này phê duyệt theo nguyên tắc sau:

1. Trả lại cho chủ sở hữu nếu xác định được chủ sở hữu hợp pháp.

2. Trường hợp không có hoặc không xác định được ai là chủ sở hữu hợp pháp, thực hiện trả cho tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm đối với trường hợp tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định (tại thời điểm tìm thấy và giao nộp tài sản). Tổ chức, cá nhân được nhận tài sản phải thanh toán các chi phí tìm chủ sở hữu, chi phí vận chuyển, bảo quản và xác định giá trị tài sản.

3. Trường hợp tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy mà không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu từ bỏ quyền sở hữu đối với tài sản hoặc chủ sở hữu không thanh toán các khoản chi phí có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định hoặc tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều này không đến nhận tài sản hoặc không thanh toán các khoản chi phí có liên quan thì tài sản được tìm thấy được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật và xử lý theo quy định tại Nghị định này.

Điều 28. Trả lại tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy cho chủ sở hữu hợp pháp

1. Trường hợp xác định được chủ sở hữu hợp pháp của tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy theo quy định tại Điều 26 Nghị định này thì cơ quan, đơn vị tiếp nhận, bảo quản tài sản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 25 Nghị định này tổ chức trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp theo quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày có quyết định phê duyệt phương án trả lại tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm cho chủ sở hữu hợp pháp của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị tiếp nhận, bảo quản tài

sản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 25 Nghị định này thực hiện trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp. Việc trả lại tài sản được lập thành biên bản; chủ sở hữu tài sản phải thanh toán các khoản chi phí hợp lý có liên quan đến việc tìm kiếm, thăm dò, khai quật, trục vớt, bảo quản, tìm chủ sở hữu tài sản.

Chương IV
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 29. Các khoản chi liên quan đến xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Các khoản chi phí liên quan đến quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; tài sản của vụ án hình sự chuyển sang xử lý hành chính bị tịch thu được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính.

2. Các khoản chi phí liên quan đến quản lý, xử lý vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu; tài sản của vụ việc vi phạm hành chính chuyển sang xử lý hình sự bị tịch thu; các tài sản khác được xác lập quyền sở hữu toàn dân (không bao gồm các khoản chi liên quan đến thăm dò, khai quật, trục vớt, xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm) bao gồm:

a) Chi phí vận chuyển, bảo quản; chi phí kiểm nghiệm, giám định, định giá tài sản tạm giữ; chi bồi thường tổn thất do nguyên nhân khách quan (nếu có) tới thời điểm có quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền. Trường hợp cơ quan tiếp nhận, bảo quản tài sản đã được Nhà nước bố trí kho bãi, phương tiện vận tải, kinh phí thường xuyên thì không được thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc vận chuyển, bảo quản những tài sản đó.

b) Chi phí giao, nhận, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản tài sản từ thời điểm có quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan có thẩm quyền đến khi hoàn thành việc xử lý.

c) Các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý bán tài sản: Chi phí xác định giá khởi điểm; chi thuê giám định, thuê sửa chữa tài sản để bán nếu tài sản phải sửa chữa mới bán được; chi khắc phục tổn thất về tài sản do nguyên nhân khách quan; thù lao dịch vụ đấu giá trả cho tổ chức đấu giá, chi phí đấu giá tài sản.

d) Thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) đối với trường hợp hàng thuộc diện tạm nhập, tái xuất nhưng nay cơ quan, người có thẩm quyền cho phép nhập khẩu chính thức.

đ) Phí, lệ phí (nếu có).

e) Chi phí cho việc chăm sóc, cứu hộ động vật hoang dã trước khi xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

g) Chi phí thực hiện tiêu hủy tài sản.

h) Chi thưởng cho các tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia.

i) Các khoản chi khác có liên quan.

3. Các khoản chi liên quan đến thăm dò, khai quật, trục vớt, xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm và xử lý tài sản gồm:

a) Chi phí thăm dò, khai quật, trục vớt, giám định tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm. Trường hợp chi phí thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm theo phương án được duyệt được tính bằng hiện vật khai quật, trục vớt được thì cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm quyết định việc thanh toán bằng hiện vật.

b) Chi phí vận chuyển, bảo quản tài sản được tìm thấy trong thời gian chưa có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền; chi phí vận chuyển, bảo quản tài sản trả cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản.

c) Chi phí xử lý tài sản (chi phí thông báo tìm chủ sở hữu, chi phí chuyển giao tài sản, chi phí tiêu hủy tài sản, chi phí định giá, đấu giá tài sản).

d) Thuế, phí, lệ phí (nếu có).

đ) Chi thưởng cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản;

e) Chi phí bán đấu giá tài sản là di vật, cổ vật tại nước ngoài. Chi phí bán đấu giá (hoa hồng bán đấu giá) được khoán gọn theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền thu được từ bán đấu giá tài sản, bao gồm:

- Chi phí đóng gói, chi phí vận chuyển từ Việt Nam ra nước ngoài, chi phí vận chuyển từ nơi bảo quản đến nơi bán đấu giá;

- Chi phí bảo hiểm cho hiện vật mang đi bán đấu giá;

- Chi phí thuê kho bãi để bảo quản hiện vật ở nước ngoài;

- Các khoản thuế, phí, lệ phí ở Việt Nam và ở nước ngoài (nếu có);

- Chi phí tuyên truyền, quảng bá; chi phí tổ chức bán đấu giá;

- Chi phí giải quyết tranh chấp (nếu có); các chi phí khác có liên quan tới việc vận chuyển, bán đấu giá tại nước ngoài.

Tỷ lệ phần trăm (%) chi phí bán đấu giá do các bên ký hợp đồng ủy thác bán đấu giá thỏa thuận, trên cơ sở tham khảo chi phí bán đấu giá (hoa hồng bán đấu giá) của các cuộc bán đấu giá đã thực hiện.

g) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

4. Thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên.

Điều 30. Mức chi

1. Đối với những nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ đã được quy định.

2. Đối với các khoản chi phí chưa có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì Thủ trưởng cơ quan được giao chủ trì xử lý tài sản quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình đối với mức chi cụ thể, bảo đảm phù hợp với khả năng kinh phí, thực tế phát sinh.

3. Đối với các khoản chi phí mua tin, chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trong quá trình xử lý vi phạm pháp luật hình sự trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

4. Đối với các vụ việc từ hành chính chuyển sang xử lý hình sự hoặc từ hình sự chuyển sang xử lý hành chính, chi phí vận chuyển, bảo quản phát sinh trước khi chuyển giao được tính vào kinh phí chi thường xuyên của đơn vị bảo quản tài sản; các khoản chi phí khác được thanh toán từ nguồn kinh phí xử lý tài sản theo quy định tại Điều 31 Nghị định này.

5. Mức chi thưởng cho tổ chức cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm và tài sản bị đánh rơi, bỏ quên

a) Tổ chức, cá nhân được thưởng trong các trường hợp sau đây:

- Ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia;

- Phát hiện và cung cấp thông tin chính xác về tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên.

b) Mức tiền thưởng đối với từng trường hợp cụ thể như sau:

- Trường hợp tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia thì mức tiền thưởng được tính theo phương pháp lũy thoái từng phần, cụ thể như sau:

+ Phần giá trị của tài sản đến 10 triệu đồng thì tỷ lệ trích thưởng là 30%;

+ Phần giá trị của tài sản trên 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng thì tỷ lệ trích thưởng là 15%;

+ Phần giá trị của tài sản trên 100 triệu đồng đến 1 tỷ đồng thì tỷ lệ trích thưởng là 7%;

+ Phần giá trị của tài sản trên 1 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng thì tỷ lệ trích thưởng là 1%;

+ Phần giá trị của tài sản trên 10 tỷ đồng thì tỷ lệ trích thưởng là 0,5%;

Giá trị của tài sản để trích thưởng được xác định sau khi trừ các khoản chi phí theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định này.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân phát hiện và cung cấp thông tin chính xác về tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia thì mức tiền thưởng bằng 50% của các mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản này.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân phát hiện và cung cấp thông tin chính xác về tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy không phải là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia thì mức tiền thưởng bằng 30% của các mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản này.

c) Mức tiền thưởng cụ thể do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (đối với tài sản được tìm thấy là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (đối với tài sản được tìm thấy thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản được tìm thấy khác) quyết định, tối đa không vượt quá 200 triệu đồng đối với mỗi gói thưởng.

d) Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được chi thưởng và giá trị tài sản tìm thấy có giá trị đặc biệt thì các cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản này trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức thưởng.

đ) Căn cứ chi thưởng

- Trường hợp tài sản được xử lý theo hình thức đấu giá thì giá trị tài sản để trích thưởng là giá trúng đấu giá;

- Trường hợp tài sản được xử lý theo hình thức chuyển giao cho cơ quan nhà nước có chức năng lưu giữ, quản lý thì giá trị tài sản là giá do Hội đồng định giá quy định tại Điều 34 Nghị định này xác định. Giá trị tài sản để trích thưởng là giá trị tài sản do Hội đồng định giá xác định sau khi trừ các khoản chi phí có liên quan quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định này.

Trường hợp không xác định được giá trị của tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy và tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản này quyết định mức tiền thưởng cụ thể, tối đa không vượt quá 200 triệu đồng. Trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

6. Mức thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm trong trường hợp không có hoặc không xác định được ai là chủ sở hữu theo quy định của pháp luật

a) Tổ chức, cá nhân trong quá trình sinh hoạt, sản xuất mà ngẫu nhiên tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, không phải là di tích lịch sử - văn hóa, bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia thì được hưởng toàn bộ hoặc một phần giá trị của tài sản được tìm thấy như sau:

- Nếu tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định (tại thời điểm tìm thấy và giao nộp tài sản) sau khi trừ các khoản chi phí hợp lý có liên quan (chi phí tìm chủ sở hữu, chi phí vận chuyển, bảo quản và xác định giá trị tài sản) thì tài sản thuộc về tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản;

- Nếu tài sản có giá trị lớn hơn mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định (tại thời điểm tìm thấy và giao nộp tài sản) thì sau khi trừ chi phí hợp lý có liên quan, tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản được hưởng giá trị bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định và 50% giá trị của phần vượt quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, phần giá trị còn lại thuộc về Nhà nước.

b) Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này quyết định mức được hưởng của tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân phát hiện hoặc tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm mà không thông báo, không giao nộp cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định thì không được thưởng, không được thưởng theo giá trị tài sản tìm thấy và bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức, cá nhân được thưởng theo quy định tại khoản 5 Điều này thì không được hưởng toàn bộ hoặc một phần giá trị của tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này; tổ chức, cá nhân được hưởng toàn bộ hoặc một phần giá trị của tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều này thì không được thưởng theo quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Mức thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên

a) Tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên mà không phải là di tích lịch sử - văn hoá, bảo vật quốc gia, cổ vật, không phải là tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia có giá trị tài sản lớn hơn mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định (tại thời điểm tìm thấy và giao nộp tài sản), sau khi trừ chi phí bảo quản thì tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản được hưởng giá trị bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định và 50% giá trị của phần vượt quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

b) Cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định này quyết định mức được hưởng của tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên.

c) Tổ chức, cá nhân được thưởng theo quy định tại khoản 5 Điều này thì không được hưởng phần giá trị của tài sản theo quy định tại khoản này; tổ chức, cá nhân được hưởng phần giá trị của tài sản theo quy định tại khoản này thì không được thưởng theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 31. Nguồn kinh phí

1. Đối với tài sản được xử lý bán thì nguồn kinh phí để chi trả được sử dụng từ số tiền thu được do bán tài sản đã nộp vào tài khoản tạm giữ của cơ quan nhà nước (Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch) được mở tại Kho bạc Nhà nước. Trường hợp số tiền thu được do bán tài sản

không đủ để thanh toán các khoản chi phí mà tài khoản tạm giữ theo dõi riêng đối với cơ quan, đơn vị xử lý tài sản còn số dư thì được sử dụng để hỗ trợ thanh toán các khoản chi phí, nếu thiếu thì đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Đối với tài sản được xử lý theo hình thức khác (chuyển giao, tiêu huỷ) thì nguồn kinh phí để chi cho các nội dung quy định tại Điều 29 Nghị định này được bố trí như sau:

a) Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của đơn vị được giao chủ trì quản lý tài sản để bảo đảm kinh phí thực hiện việc xử lý tài sản.

b) Đối với các tài sản chuyển giao cho các cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, xử lý hoặc chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý, sử dụng thì các chi phí phát sinh trước khi có quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này; các chi phí phát sinh từ khi có quyết định phê duyệt phương án xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền đến khi hoàn thành việc bàn giao do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả.

3. Nguồn kinh phí chi thưởng và thanh toán phần giá trị của tài sản cho các tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Nguồn kinh phí để thanh toán các khoản chi thưởng, thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và các chi phí liên quan đến việc thăm dò, khai quật, trục vớt xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được quy định như sau:

a) Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp thì chủ sở hữu tài sản có trách nhiệm chi trả các khoản chi có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định này.

b) Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy được chuyển giao cho các cơ quan nhà nước có chức năng lưu giữ, quản lý thì cơ quan được giao lưu giữ, quản lý tài sản có trách nhiệm chi trả các khoản chi có liên quan từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc các nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy được tiêu hủy thì ngân sách nhà nước chi trả; tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy do cấp nào tổ chức xử lý thì ngân sách cấp đó chi trả.

d) Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy được bán thì các khoản chi được sử dụng từ nguồn thu được do bán tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy. Trường hợp số tiền thu được do bán tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy không đủ bù đắp các khoản chi thì ngân sách nhà nước chi trả phần chênh lệch theo quy định hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước.

đ) Đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải thì sau khi trục vớt và đấu giá tài sản, nếu số tiền thu được không đủ bù đắp chi phí và chủ sở hữu không có khả năng chi trả hoặc không xác định được chủ sở hữu tài sản chìm đắm thì số tiền còn thiếu được sử dụng từ phí bảo đảm hàng hải để bù đắp chi phí thiếu hụt đó; nếu chi phí trục vớt tài sản chìm đắm vượt quá khả năng chi trả của nguồn thu phí bảo đảm hàng hải thì sẽ được ngân sách nhà nước cấp bổ sung.

e) Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm nhưng chưa đủ điều kiện để khai quật, trục vớt thì ngân sách địa phương nơi có tài sản chịu trách nhiệm bảo đảm kinh phí để bảo vệ tài sản.

Điều 32. Trình tự, thủ tục thanh toán các khoản chi quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Các khoản chi được thanh toán phải có chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định. Trường hợp các khoản chi do cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện (như chi phí giám định, chi chăm sóc, cứu hộ động vật và các khoản chi khác) thì được sử dụng phiếu thu của cơ quan nhà nước đó để làm căn cứ thanh toán chi phí.

2. Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương duyệt chi các khoản chi phí xử lý tài sản do người có thẩm quyền thuộc cơ quan trung ương và người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp tỉnh ra quyết định xác lập sở hữu của Nhà nước; Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện duyệt chi các khoản chi phí xử lý tài sản do người có thẩm quyền thuộc cơ quan cấp huyện, cấp xã ra quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Việc thanh toán các khoản chi phí được thực hiện theo mức chi thực tế hợp lý, hợp lệ của từng vụ việc hoặc mức khoán do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.

Đối với các loại tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân phát sinh thường xuyên, căn cứ vào tình hình thực tế quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tỷ lệ (mức) khoán

chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên số tiền thu được từ xử lý tài sản cho đơn vị chủ trì quản lý, xử lý thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương để áp dụng thống nhất. Mức khoán tối đa không vượt quá 40% số tiền thu được từ xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; đơn vị chủ trì quản lý tài sản được chủ động sử dụng chi phí được khoán để chi cho các nội dung theo quy định.

Trường hợp trong quá trình thực hiện xử lý tài sản, chi phí xử lý thực tế vượt quá mức khoán quy định và có đầy đủ các hồ sơ, chứng từ chứng minh việc chi cho xử lý tài sản là cần thiết và phù hợp, đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản báo cáo cơ quan tài chính có thẩm quyền duyệt chi quy định tại khoản 2 Điều này để xem xét, quyết định.

4. Đối với những vụ việc hình sự hoặc vụ việc từ hành chính chuyển sang xử lý hình sự và được cơ quan có thẩm quyền quyết định đình chỉ vụ án, trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định đình chỉ vụ án, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm thanh toán các chi phí có liên quan đến quản lý, xử lý tang vật bị tịch thu của vụ việc đó từ nguồn kinh phí quy định tại Điều 31 Nghị định này.

5. Đối với tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên trình tự, thủ tục chi thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân thuộc các trường hợp được thưởng gửi văn bản đề nghị chi thưởng tới cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản có trách nhiệm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mức thưởng cụ thể. Nội dung chủ yếu của quyết định mức thưởng gồm:

- Căn cứ pháp lý để chi thưởng cho tổ chức, cá nhân;

- Tên tổ chức, cá nhân được chi thưởng;

- Mức chi thưởng cho tổ chức, cá nhân;

- Thời hạn chi thưởng;

- Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chi thưởng;

- Nguồn chi thưởng.

Quyết định được gửi cho đối tượng được hưởng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm vụ chi thưởng, cơ quan tài chính nhà nước cùng cấp.

c) Trường hợp nguồn chi thưởng được sử dụng từ ngân sách nhà nước, nguồn thu hợp pháp của cơ quan có chức năng lưu giữ, quản lý tài sản và phí bảo đảm hàng hải thì căn cứ vào quyết định mức thưởng của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản này, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chi thưởng có trách nhiệm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc sử dụng các nguồn kinh phí này để chi thưởng theo quy định của pháp luật.

d) Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày có quyết định mức thưởng của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chi thưởng thực hiện chi trả tiền thưởng cho tổ chức, cá nhân được thưởng theo quy định.

6. Trình tự, thủ tục thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu

a) Xác định giá trị tài sản để làm căn cứ thanh toán.

- Đối với các tài sản được xử lý theo hình thức đấu giá, giá trị tài sản làm căn cứ thanh toán được xác định theo giá trúng đấu giá;

- Đối với các trường hợp khác, giá trị tài sản do Hội đồng định giá quy định tại Điều 34 Nghị định này xác định.

b) Thanh toán trong trường hợp tài sản tìm thấy có giá trị đến mười tháng lương tối thiểu.

- Đối với tài sản, sau khi trừ các khoản chi phí hợp lý có liên quan, có giá trị đến mười tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định (tại thời điểm tìm thấy và giao nộp tài sản) thì trả lại tài sản (bằng hiện vật) cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy;

- Khi nhận tài sản, tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản có trách nhiệm chi trả các khoản chi phí hợp lý có liên quan (chi phí tìm chủ sở hữu, chi phí vận chuyển, bảo quản và xác định giá trị tài sản). Trường hợp tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản không nhận tài sản hoặc không thanh toán các chi phí hợp lý có liên quan thì tài sản đó thuộc về Nhà nước.

c) Thanh toán trong trường hợp tài sản tìm thấy có giá trị lớn hơn mười tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm tìm thấy và giao nộp tài sản (sau khi trừ các khoản chi phí hợp lý có liên quan) thì tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản được thanh toán như sau:

- Trường hợp tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản có nhu cầu nhận tài sản (bằng hiện vật) mà tài sản đó không chia được thì tổ chức, cá nhân đó được nhận tài sản (bằng hiện vật), đồng thời có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí hợp lý có liên quan và phần giá trị tài sản thuộc về Nhà nước;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản có nhu cầu nhận tài sản (bằng hiện vật) mà tài sản đó có thể chia được thì tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản được chia tài sản bằng hiện vật tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng theo quy định.

d) Trình tự, thủ tục thanh toán.

- Tổ chức, cá nhân thuộc các trường hợp được thanh toán phần giá trị tài sản gửi văn bản đề nghị thanh toán phần giá trị tài sản được hưởng tới cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản;

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản có trách nhiệm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định cụ thể mức được hưởng của tổ chức, cá nhân. Nội dung chủ yếu của quyết định này gồm: Căn cứ pháp lý để thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản; tên tổ chức, cá nhân được thanh toán phần giá trị của tài sản do ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp; phần giá trị của tài sản thanh toán cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản; chi phí tổ chức, cá nhân phải thanh toán (nếu có); hình thức thanh toán (bằng hiện vật, bằng tiền); thời hạn thanh toán; nguồn kinh phí để thanh toán (trong trường hợp thanh toán bằng tiền); cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản.

Quyết định được gửi cho đối tượng được hưởng, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thanh toán, cơ quan tài chính nhà nước cùng cấp.

- Trường hợp nguồn kinh phí để thanh toán được sử dụng từ ngân sách nhà nước, nguồn thu hợp pháp của cơ quan có chức năng lưu giữ, quản lý tài sản và phí bảo đảm hàng hải thì căn cứ vào quyết định thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thanh toán có trách nhiệm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc sử dụng các nguồn kinh phí này để thanh toán theo quy định của pháp luật;

- Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày có quyết định mức được hưởng của tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thanh toán thực hiện việc thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân được hưởng theo quy định;

- Trường hợp tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản có nhu cầu nhận phần giá trị tài sản bằng tiền thì tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản được thanh toán bằng tiền phần giá trị tài sản được hưởng theo quy định. Việc thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy bằng hiện vật hoặc bằng tiền do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Nghị định này quyết định.

Điều 33. Quản lý số tiền thu được từ việc xử lý tài sản

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công làm chủ tài khoản theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Sau khi trừ đi các khoản chi quy định tại Điều 29 Nghị định này, số tiền còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Tài sản do cơ quan, đơn vị thuộc trung ương xử lý thì tiền thu được từ việc xử lý tài sản nộp vào ngân sách trung ương; tài sản do cơ quan, đơn vị thuộc địa phương xử lý thì tiền thu được từ việc xử lý tài sản nộp vào ngân sách địa phương.

Điều 34. Xác định giá trị tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên làm căn cứ chi thưởng, thanh toán giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên chi phí và các chi phí khác có liên quan

1. Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm quyết định thành lập Hội đồng định giá, xác định giá trị tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm (sau đây gọi chung là Hội đồng định giá).

2. Thành phần Hội đồng định giá gồm:

a) Thủ trưởng cơ quan quyết định thành lập Hội đồng hoặc người được uỷ quyền làm Chủ tịch Hội đồng.

b) Đại diện cơ quan tài chính (Bộ Tài chính đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm do cơ quan, người có thẩm quyền ở trung ương phê duyệt phương án xử lý; Sở Tài chính đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm do cơ quan, người có thẩm quyền ở địa phương phê duyệt phương án xử lý).

c) Đại diện cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản.

d) Đại diện cơ quan chuyên môn kỹ thuật hoặc các chuyên gia về tài sản.

đ) Các thành viên khác có liên quan.

3. Số lượng thành viên của Hội đồng định giá tối thiểu là 05 người.

Đại diện tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản hoặc có công phát hiện và cung cấp thông tin về tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng định giá và có thể phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng định giá

a) Hội đồng định giá làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các cuộc họp của Hội đồng định giá phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự. Các quyết định của Hội đồng phải được quá nửa số thành viên Hội đồng tán thành và được lập thành biên bản. Trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có Chủ tịch Hội đồng.

b) Hội đồng định giá lập biên bản về việc định giá tài sản. Biên bản định giá tài sản phải ghi nhận kịp thời, đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình định giá tài sản.

c) Nội dung chủ yếu của biên bản định giá tài sản gồm: Họ, tên Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản và các thành viên của Hội đồng; họ, tên những người tham dự phiên họp định giá tài sản; thời gian, địa điểm tiến hành việc định giá tài sản; kết quả khảo sát giá trị của tài sản; ý kiến của các thành viên của Hội đồng định giá và những người tham dự phiên họp định giá tài sản; kết quả biểu quyết của Hội đồng định giá về giá trị của tài sản; thời gian, địa điểm hoàn thành việc định giá tài sản; chữ ký của các thành viên Hội đồng định giá.

Biên bản định giá tài sản phải được lưu trong hồ sơ định giá tài sản.

5. Hội đồng định giá có trách nhiệm định giá tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm theo các quy định của pháp luật về nguyên tắc, phương pháp, chuẩn mực thẩm định giá. Trường hợp cần thiết Hội đồng định giá có thể thuê tổ chức đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá xác định giá trị tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm để xem xét, tham khảo trước khi quyết định.

6. Giá trị tài sản do Hội đồng định giá xác định được sử dụng làm căn cứ để:

a) Chi thưởng cho tổ chức, cá nhân theo quy định tại Nghị định này.

b) Thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy, trừ trường hợp tài sản đó được đấu giá.

c) Thanh toán chi phí thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thanh toán chi phí bằng hiện vật mà việc thanh toán đó được xác định sau khi khai quật, trục vớt xong.

d) Xác định giá khởi điểm để tổ chức đấu giá.

7. Chi phí hoạt động của Hội đồng định giá và chi phí thuê tổ chức đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá (nếu có) được tính chung vào chi phí xử lý tài sản và được chi trả theo quy định tại Nghị định này.

8. Trường hợp đặc biệt không thể xác định được giá trị của tài sản thì Hội đồng định giá có văn bản thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền biết để quyết định mức thưởng theo quy định.

Chương V
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 35. Chế độ báo cáo về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Tất cả tài sản khi được xác lập quyền sở hữu toàn dân đều phải được báo cáo cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công và được kê khai, cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để quản lý thống nhất.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định tịch thu hoặc quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện báo cáo kê khai, cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản theo phương án xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện cập nhật kết quả xử lý tài sản vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

4. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công có trách nhiệm báo cáo về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân:

a) Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước.

b) Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được cơ quan có thẩm quyền cung cấp có giá trị pháp lý như trong hồ sơ dạng giấy.

c) Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tài sản của công, phải được đảm bảo an ninh, an toàn chặt chẽ; nghiêm cấm mọi hành vi truy cập trái phép, phá hoại, làm sai lệch thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản.

d) Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về công trình phải thực hiện theo đúng quy định; không được tự ý khai thác, sử dụng thông tin khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Nội dung, cấu trúc, phương thức nhập liệu và khai thác Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Trách nhiệm xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

a) Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

b) Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo báo cáo kê khai, thực hiện cập nhật thông tin, bảo đảm kết nối, tích hợp với Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

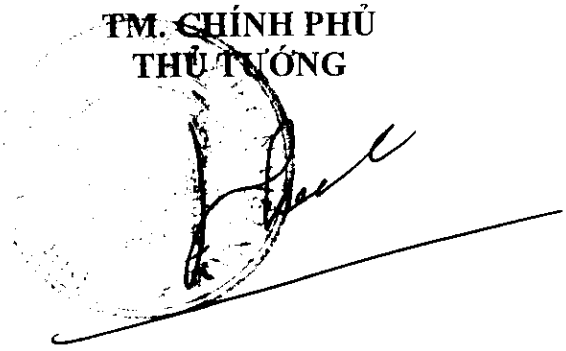
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân và Nghị định số 96/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được phát hiện hoặc tìm thấy thuộc đất liền, các hải đảo và vùng biển Việt Nam.

3. Đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, nhưng chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý thì thực hiện việc quản lý, xử lý theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp tài sản đã có quyết định phê duyệt phương án xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa hoàn thành việc xử lý thì tiếp tục xử lý và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). XH 105

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ)

Mẫu số 01-QĐXL	Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân
Mẫu số 02-BBBQ	Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản để bảo quản
Mẫu số 03-BBCG	Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

Mẫu số 01-QĐXL

(1).....
(2).....

Số: ...../QĐ-.....(3)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng .... năm .....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân

.....(4)

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của .....(2);

Xét đề nghị của .....(5),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với các tài sản sau đây:

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Giá trị tài sản (nếu có)	Tình trạng tài sản

Nguồn gốc tài sản: .....(6)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. .....(7) có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Cơ quan tài chính(8);
- Lưu: .....

.....(4)
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan cấp trên (nếu có).
(2) Tên cơ quan của người ra quyết định.
(3) Chữ viết tắt tên cơ quan của người ra quyết định.
(4) Chức danh của người ra quyết định.
(5) Tên đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản trình.
(6) Ghi rõ nguồn gốc của tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế...).
(7) Tên các cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.
(8) Ghi Sở Tài chính nơi có tài sản (trường hợp cơ quan của người ra quyết định là cơ quan trung ương hoặc cấp tỉnh); Phòng Tài chính – kế hoạch (trường hợp cơ quan của người ra quyết định là cơ quan cấp huyện).

Mẫu số 02-BBBQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN ĐỂ BẢO QUẢN
Số: ...../....[(1)]/BBBQ-....[(2)]

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Hôm nay, ngày.....tháng.... năm....., tại....., chúng tôi gồm:

A. Đại diện bên giao (Đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản):

1. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

2. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

B. Đại diện bên nhận (Cơ quan quản lý chuyên ngành):

1. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

2. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

C. Đại diện bên chứng kiến:

Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

Cùng nhau tiến hành bàn giao, tiếp nhận tài sản để bảo quản như sau:

I. Tài sản bàn giao, tiếp nhận:

1. Chủng loại, số lượng, hiện trạng tài sản bàn giao:

STT	Tên tài sản	Nhãn hiệu	Số Đăng ký (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị tài sản (nếu có)	Tình trạng chất lượng	Ghi chú

(1) Năm tiến hành bàn giao.
(2) Chữ viết tắt tên cơ quan bàn giao tài sản.

2. Danh mục các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản[3]:

.....

.....

II. Trách nhiệm của các bên:

1. Bên giao có trách nhiệm bàn giao đầy đủ tài sản và hồ sơ tài sản nêu tại Mục I Biên bản này.

2. Bên nhận có trách nhiệm:

- Tiếp nhận tài sản để bảo quản;

- Thực hiện việc quản lý, bảo quản tài sản đúng chế độ quy định;

- Bàn giao tài sản cho cơ quan, đơn vị tiếp nhận để quản lý, xử lý theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

III. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao:

.....

Biên bản đã được các bên cùng nhất trí thông qua và được lập thành 05 bản, bên giao giữ 02 bản, bên nhận giữ 02 bản, bên chứng kiến giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO	**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

ĐẠI DIỆN BÊN CHỨNG KIẾN
(Ký và ghi rõ họ tên)

(3) Đối với từng loại hồ sơ, giấy tờ phải ghi rõ bản chính hay bản sao.

Mẫu số 03-BBCG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN
TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN
Số: ...../....[1]/BBCG-....[2]

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập và quản lý, xử lý đối với tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Quyết định số .....[3];

Hôm nay, ngày.....tháng.... năm....., tại....., chúng tôi gồm:

A. Đại diện bên giao (Đơn vị chủ trì quản lý tài sản):

1. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

2. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

B. Đại diện bên nhận:

1. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

2. Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

C. Đại diện cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công:

Ông, bà:....., chức vụ.....

Cơ quan:.....

Cùng nhau tiến hành bàn giao, tiếp nhận đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân như sau:

(1) Năm tiến hành bàn giao.
(2) Chữ viết tắt tên cơ quan bàn giao tài sản.
(3) Quyết định chuyển giao, điều chuyển, giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

I. Tài sản bàn giao, tiếp nhận:

1. Chủng loại, số lượng, hiện trạng tài sản bàn giao:

STT	Tên tài sản	Nhãn hiệu	Số Đăng ký (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị tài sản (nếu có)	Tình trạng chất lượng

2. Danh mục các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản[4]:

.....

.....

II. Trách nhiệm của các bên:

1. Bên giao có trách nhiệm bàn giao đầy đủ tài sản và hồ sơ tài sản nêu tại Mục I Biên bản này.

2. Bên nhận có trách nhiệm:

- Tiếp nhận các tài sản và hồ sơ tài sản nêu tại Mục I Biên bản này theo Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền;

- Thực hiện việc quản lý, xử lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật chuyên ngành (trong trường hợp tiếp nhận tài sản để quản lý, xử lý);

- Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật (trong trường hợp tiếp nhận tài sản để quản lý, sử dụng).

III. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao:

.....

Biên bản đã được các bên cùng nhất trí thông qua và được lập thành 05 bản, bên giao giữ 02 bản, bên nhận giữ 02 bản, bên chứng kiến giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO	**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký tên, đóng dấu)*

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

(4) Đối với từng loại hồ sơ, giấy tờ phải ghi rõ bản chính hay bản sao.